

Số: 20 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số: 460
	Ngày 22.01.14
	Chuyên: Căn cứ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập quy hoạch ngành, sản phẩm, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Hội đồng thẩm định các Dự án: Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề cương và dự toán quy hoạch phát triển ngành Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (thường trực Hội đồng thẩm định) tại Tờ trình số 18/TTr-SKHĐT ngày 06 tháng 01 năm 2014 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch*), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển du lịch Quảng Ngãi theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và bền vững gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; giữ gìn cảnh quan và bảo vệ môi trường.

b) Phát triển du lịch Quảng Ngãi trong mối liên hệ vùng, cả nước và quốc tế để khai thác cả nguồn khách du lịch quốc tế và nội địa, trong đó, chú trọng phát triển khách du lịch nội địa và tăng cường thu hút khách quốc tế.

c) Phát triển đồng thời du lịch biển, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái với việc lấy du lịch biển làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng để phát huy tính đặc thù tài nguyên du lịch của tỉnh.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển du lịch.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Cụ thể hoá quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch thành những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khả thi, phát triển có định hướng theo lộ trình nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chỉ đạo các hoạt động du lịch trên địa bàn.

- Phấn đấu đến năm 2020, du lịch Quảng Ngãi cơ bản trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ, tạo tiền đề đến năm 2025 là ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế chung với hệ

thông cơ sở hạ tầng du lịch đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang bản sắc văn hoá Quảng Ngãi, thân thiện với môi trường, đưa Quảng Ngãi trở thành một trong những điểm đến đạt mức trung bình khá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và của cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Khách du lịch:

+ Đến năm 2015 đạt 600.000 lượt khách, trong đó 50.000 lượt khách quốc tế; đến năm 2020 đạt 950.000, trong đó 70.000 lượt khách quốc tế; đến năm 2025 đạt 1.350.000 lượt khách, trong đó 90.000 lượt khách quốc tế.

+ Tốc độ tăng trưởng khách quốc tế giai đoạn 2014 - 2020 đạt 10 - 15%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 8% - 10%/năm. Tốc độ tăng trưởng khách nội địa giai đoạn 2014 - 2020 đạt 7% - 9%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 6% - 7%/năm.

+ Ngày lưu trú trung bình của khách quốc tế giai đoạn 2014 - 2020 đạt từ 2,8 ngày - 3,0 ngày; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 3,0 ngày - 3,5 ngày. Mức chi tiêu bình quân giai đoạn 2014 - 2020 đạt từ 78 USD - 90 USD/người/ngày đêm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 100 USD/người/ngày đêm.

+ Ngày lưu trú trung bình của khách nội địa giai đoạn 2014 - 2020 đạt từ 2,3 ngày - 2,9 ngày; giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 3,0 ngày - 3,4 ngày. Mức chi tiêu bình quân giai đoạn 2014 - 2020 đạt từ 750.000 VNĐ - 850.000 VNĐ/người/ngày đêm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 900.000 VNĐ - 1.000.000 VNĐ/người/ngày đêm.

- Tổng thu từ khách du lịch: Đến năm 2015 đạt 550 tỷ đồng; đến năm 2020 đạt 880 tỷ đồng; đến năm 2025 đạt 1.152 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch giai đoạn 2014 - 2015 đạt 17,3 %/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13 %/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11 %/năm.

- Số lượng cơ sở lưu trú: Đến năm 2015 có 2.000 buồng; đến năm 2020 có 4.000 buồng và đến năm 2025 có 5.800 buồng, trong đó tỷ lệ buồng đạt chất lượng 3 sao trở lên chiếm 15 - 25% theo từng giai đoạn.

- Chỉ tiêu việc làm: Đến năm 2015 tạo việc làm cho 9.300 người, trong đó lao động trực tiếp 3.000 người. Đến năm 2020, tạo việc làm cho 13.000 người, trong đó lao động trực tiếp 4.200 người. Đến năm 2025 có 16.000 lao động trong đó có 5.200 lao động trực tiếp.

- Về văn hoá, xã hội: Góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hoá và cảnh quan, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần giảm nghèo, phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hoá tinh thần nhân dân, cải thiện điều kiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào các dân vùng sâu, vùng xa...

- Về môi trường: Phát triển du lịch “xanh”, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm; gắn hoạt động du lịch với gìn giữ, phát huy các giá trị tài nguyên, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và bảo vệ môi trường.

- Về quốc phòng, an ninh: Gắn phát triển du lịch với đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; giữ vững quốc phòng, an ninh đặc biệt là vùng biên, đảo.

3. Định hướng phát triển

a) Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

- Thị trường khách quốc tế

+ Ưu tiên phát triển thị trường gần: Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan), ASEAN; trong đó, đặc biệt chú trọng khai thác thị trường ASEAN theo hành lang Đông - Tây.

+ Phát triển thị trường truyền thống: Mỹ, Canada, Đức, Anh, Pháp, Úc, Nga, Ukraine.

+ Mở rộng thị trường mới: Hướng tới các nước thuộc khu vực Trung, Bắc Âu, vùng Trung Đông; các nước New Zealand, Ấn Độ...

- Thị trường khách nội địa: Khai thác nguồn khách từ các địa phương trên cả nước theo tuyến du lịch xuyên Việt, các vùng phụ cận và trong vùng, các địa phương vùng Tây Nguyên theo hướng Đông - Tây; trong đó, đặc biệt chú trọng khách thương mại, công vụ, khách lễ hội tâm linh...

b) Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

- Sản phẩm du lịch gắn với biển, đảo: Phát triển du lịch nghỉ mát, tắm biển, vui chơi giải trí, thể thao khám phá ở Mỹ Khê, Lý Sơn, Sa Huỳnh, Vạn Tường, Khe Hai gắn với khu vực tàu cổ ở vùng biển Bình Châu, huyện Bình Sơn; trong đó, phát triển Khu du lịch sinh thái biển đảo Lý Sơn là sản phẩm đặc trưng làm tiền đề định vị thương hiệu du lịch cho tỉnh Quảng Ngãi.

- Sản phẩm du lịch gắn với văn hoá: Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa, lịch sử cách mạng, bản sắc dân tộc thiểu số, các công trình kinh tế xã hội, làng nghề. Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh như: Di tích quốc gia Trường Lũy - Quảng Ngãi, Khởi nghĩa Ba Tơ và Trà Bồng, Khu Chứng tích Sơn Mỹ, Khu lưu niệm cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, núi Thiên Ân...

- Sản phẩm du lịch gắn với sinh thái: Tham quan cảnh quan, nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khoẻ ở núi Cà Đam - huyện Trà Bồng, Thác Trắng - huyện Minh Long, các sông Trà Khúc, Trà Bồng...

- Sản phẩm du lịch gắn với các sự kiện (du lịch MICE): Lễ hội (Lễ Khao lè Thế lính Hoàng Sa - huyện Lý Sơn, Lễ hội Điện Trường Bà - huyện Trà Bồng), hội nghị, hội thảo, triển lãm...

c) Tổ chức không gian du lịch

- Phát triển các khu, điểm du lịch

+ Khu, điểm du lịch quốc gia:

Lý Sơn: Điểm du lịch biển, đảo quốc gia, trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí; sau năm 2020 phát triển thành Khu du lịch quốc gia.

Mỹ Khê: Khu du lịch quốc gia.

Di tích quốc gia Trường Lũy - Quảng Ngãi: Điểm du lịch văn hóa lịch sử quốc gia, phát triển sau năm 2020.

+ Khu du lịch địa phương: Sa Huỳnh, Cà Đam, Vạn Tường, Thiên Ân, Đặng Thùy Trâm, Khu lưu niệm cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Khu chứng tích Sơn Mỹ, Di tích khởi nghĩa Ba Tơ, Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi; Nhà máy lọc dầu Dung Quất...

- Tuyến du lịch nội tỉnh

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Mỹ Khê - Vạn Tường.

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Nghĩa Hành - Minh Long - Ba Tơ.

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Mộ Đức - Đức Phổ - Ba Tơ.

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Mộ Đức - Đức Phổ

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà - Sơn Tây.

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Trà Bồng - Tây Trà.

Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Mỹ Khê - Lý Sơn.

+ Tuyến du lịch liên tỉnh (liên vùng và quốc tế): Theo đường bộ, đường biển cùng với hệ thống tuyến du lịch quốc gia, trong đó, chú trọng phát triển tuyến du lịch đảo ven bờ Lý Sơn - Cù Lao Chàm.

+ Tuyến du lịch theo chuyên đề

Các tuyến đường sông: Sông Trà Khúc, sông Trà Bồng.

Tuyến du lịch khám phá: Tuyến theo địa hình phía Tây tỉnh; Tuyến biển, đảo.

Tuyến tham quan tìm hiểu theo dấu tích Trường Lũy.

- Nhu cầu sử dụng đất phát triển du lịch

Đất chuyên dùng để phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật trong các khu du lịch khoảng: 3.807 ha, bao gồm các khu, điểm du lịch quốc gia và các khu điểm du lịch địa phương.

d) Đầu tư phát triển du lịch

- Tổng nhu cầu đầu tư và cơ cấu nguồn vốn:

+ Nhu cầu đầu tư phát triển du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025 khoảng 5.255 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2014 – 2020 cần 2.635 tỷ đồng.

+ Cơ cấu nguồn vốn như sau:

Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA): Chiếm gần 8% - 10%, tương đương 545 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2014 - 2020 cần khoảng 280 tỷ đồng. Vốn ngân sách dùng để hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường và nghiên cứu ứng dụng công nghệ...

Khu vực tư nhân (kể cả FDI) chiếm hơn 90% - 92%, tương đương khoảng 4.710 tỷ đồng; trong đó, giai đoạn 2014 - 2020 cần khoảng 2.355 tỷ đồng. Nguồn vốn này tập trung đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu.

- Phân kỳ đầu tư

+ Giai đoạn 2014 - 2015: Nhu cầu vốn khoảng 597 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách khoảng 80 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Nhu cầu vốn khoảng 2.038 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách khoảng 200 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Nhu cầu vốn khoảng 2.620 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách khoảng 265 tỷ đồng.

- Các dự án ưu tiên: Gồm 18 dự án, trong đó có 01 dự án về phát triển nguồn nhân lực, 01 dự án về xúc tiến quảng bá, 01 dự án về phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường du lịch, còn lại 15 dự án phát triển khu, điểm, sản phẩm du lịch được phân bổ theo các kỳ đầu tư.

(Danh mục các dự án đầu tư phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi được thể hiện tại Phụ lục kèm theo).

4. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích về đầu tư hạ tầng các khu, điểm du lịch trọng điểm, về vốn vay, hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và hỗ trợ thuê đất ổn định lâu dài đối với các dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, có sức cạnh tranh, cơ chế ưu tiên các dự án phát triển sản phẩm du lịch “xanh” thân thiện với môi trường. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào phát triển các loại hình vui chơi giải trí hiện đại, mạo hiểm, đặc thù. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch đặc biệt là công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

b) Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

Ưu tiên bố trí kinh phí trong khả năng cân đối ngân sách của tỉnh cho các dự án xác định điểm nhấn, trọng điểm của ngành du lịch theo từng giai đoạn. Tập

trung huy động nguồn vốn thực hiện mục tiêu phát triển du lịch với nhiều hình thức huy động khác nhau trên quan điểm huy động từ nguồn nội lực là chủ yếu, sử dụng nguồn vốn ngân sách hợp lý để kích thích các nguồn vốn khác, thực hiện xã hội hóa, lồng ghép nguồn vốn từ dự án của các ngành liên quan.

c) Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực du lịch

Phát triển nguồn nhân lực du lịch đảm bảo số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu, ngành nghề và trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch. Đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện chuẩn hóa nguồn nhân lực du lịch theo bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (tiêu chuẩn VTOS), đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng lực lượng lao động làm việc trong ngành du lịch có tính chuyên nghiệp. Thu hút, khuyến khích lao động có chất lượng về làm việc tại địa phương.

d) Nhóm giải pháp về phát triển các sản phẩm du lịch

Tập trung phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng tại các khu, điểm du lịch trọng điểm. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch bao gồm du lịch biển đảo, với mũi nhọn là Lý Sơn, các công trình di tích lịch sử - văn hóa, chứng tích, kiến trúc văn hóa dân tộc ít người... Bảo tồn và phát triển các sản phẩm văn hóa phi vật thể, như là Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa, Lễ hội Điện Trường Bà (Trà Bồng), Lễ cầu ngư, các điệu hát dân ca Quảng Ngãi, hát sắc bùa, bả trạo, bài chòi... nhằm góp phần thu hút khách du lịch. Nâng cao chất lượng thương hiệu các sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc trưng của tỉnh như: Quế Trà Bồng, hành, tỏi Lý Sơn, Don, cá Bống Sông Trà, đường Phèn, đường Phôi, kẹo gương.

đ) Nhóm giải pháp về ứng dụng khoa học, công nghệ

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê du lịch, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại trong hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nghiên cứu thị trường và xúc tiến, quảng bá du lịch.

e) Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước

Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, tăng cường công tác chỉ đạo triển khai quy hoạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch. Kiện toàn và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo về du lịch tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện, thành phố. Bên cạnh đó, các địa phương cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phát triển du lịch và tạo điều kiện để người dân tại địa phương tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch và hưởng lợi từ du lịch.

g) Nhóm giải pháp về xúc tiến quảng bá

Đẩy mạnh tuyên truyền xúc tiến, quảng bá du lịch có trọng tâm, trọng điểm, phát triển thị trường, phân đoạn thị trường theo sản phẩm trong và ngoài nước; tổ chức các chương trình, sự kiện, hội chợ, hội thảo, hợp tác quốc tế về xúc tiến du lịch, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan xúc tiến du lịch của Tổng cục Du lịch, kênh thông tin đối ngoại, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để xúc tiến, quảng bá du lịch Quảng Ngãi. Xúc tiến du lịch gắn kết chặt chẽ với xúc tiến đầu tư.

h) Nhóm giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển du lịch

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ để phát triển du lịch biển đảo. Triển khai có hiệu quả chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch 03 tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định - Kon Tum để khai thác dòng khách du lịch từ vùng Tây Nguyên và ASEAN. Mở rộng liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, đặc biệt với Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội cũng như các trung tâm du lịch lớn và các địa phương của Việt Nam trên hành lang xuyên Việt.

i) Nhóm giải pháp về bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường

Xây dựng, ban hành quy chế bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường tại các khu, điểm du lịch và hệ thống tiêu chuẩn về bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường để áp dụng cho các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh du lịch. Phối hợp các ngành, địa phương để tránh sự xung đột lẫn nhau giữa công nghiệp (như khai thác, sản xuất) với phát triển du lịch; có các giải pháp đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng, bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường khi lập quy hoạch cụ thể các khu, điểm du lịch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường cho các cộng đồng dân cư, khách du lịch. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường.

k) Nhóm giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tăng cường nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong việc gắn hoạt động phát triển du lịch với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phát triển du lịch bền vững gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố công bố công khai và tổ chức thực hiện Quy hoạch, bảo đảm đạt kết quả và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi; Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng;

Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Thường trực các Huyện/Thành ủy;
- VPUB: PCVP, các phòng nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, VHXX.qn49

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Khoa

PHỤ LỤC SỐ 1



HỢP HIỆN TRẠNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2001 - 2005, 2006 - 2012 VÀ DỰ BÁO 2015, 2020, 2025

Số: 20 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2001 - 2005		Giai đoạn 2006 - 2012			Giai đoạn 2015 - 2020 - 2025		
		2001	2005	2006	2010	2012	2015	2020	2021-2025
Khách du lịch	Lượt	95.000	150.000	195.000	330.000	420.000	600.000	950.000	1.350.000
Khách quốc tế	Lượt	6.400	11.000	12.500	25.000	30.000	50.000	70.000	90.000
Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,6	2	2,1	2,5	2,7	2,8	3,0	3,0-3,5
Mức chi tiêu bình quân	USD	50	60	62	70	74	78 - 90		100
Khách nội địa	Lượt	88.600	139.000	182.500	305.000	390.000	550.000	880.000	1.260.000
Ngày lưu trú trung bình	Ngày	1,3	1,4	1,5	1,9	2,1	2,3	2,9	3,0 - 3,4
Mức chi tiêu bình quân	1.000 đ	150	350	400	600	700	750 - 850		900-1.000
Tổng thu du lịch	tỷ đồng	44	78	100	215	320	550	880	1.152
Lao động	Người	759	2.170	2.790	6.045	6.820	9.300	13.000	16.000
Trong đó: Trực tiếp	Người	245	700	900	1.950	2.200	3.000	4.200	5.200
Gián tiếp	Người	514	1.470	1.890	4.095	4.620	6.300	8.800	10.800

PHỤ LỤC SỐ 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
TỈNH QUẢNG NGÃI (GIAI ĐOẠN 2014 - 2025)
 (Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên dự án	Quy mô (ha)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (tỷ đồng)	Nguồn vốn ngoài ngân sách (tỷ đồng)
A.	B.	1.	2.	3.	4.
I	GIAI ĐOẠN 2014 - 2015		597	80	517
1	Khu du lịch biển Mỹ Khê	352,0	200	25	175
2	Khu du lịch Sa Huỳnh	158,0	150	30	120
3	Khu du lịch Đặng Thùy Trâm	104,8	120	10	110
4	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	67,4	50	10	40
5	Phát triển nguồn nhân lực du lịch	-	25	3	22
6	Xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi	-	25	1	24
7	Hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch	-	27	1	26
II	GIAI ĐOẠN 2016 - 2020		2.038	200	1.838
1	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Mỹ Khê		400	40	360
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam	266,0	250	25	225
3	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Đặng Thùy Trâm	104,8	200	20	180

A.	B.	1.	2.	3.	4.
4	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	67,4	150	15	135
5	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Sa Huỳnh	158,0	230	20	210
6	Điểm du lịch đảo Lý Sơn	200,0	500	50	450
7	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường	150,0	200	10	190
8	Khu du lịch Thiên Đàng	50,0	50	5	45
9	Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch	-	15	5	10
10	Tiếp tục đầu tư xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi	-	15	5	10
11	Tiếp tục đầu tư hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch	-	28	5	23
III	GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		2.620	265	2.355
1	Tiếp tục đầu tư phát triển điểm du lịch đảo Lý Sơn thành Khu du lịch Quốc gia		700	70	630
2	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Mỹ Khê		200	20	180
3	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Đặng Thùy Trâm		300	30	270
4	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Sa Huỳnh		100	10	90
5	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch Cà Đam		200	20	180
6	Tiếp tục đầu tư phát triển Khu du lịch sinh thái Vạn Tường		180	15	165
7	Quản thể Di tích chiến thắng Vạn Tường	50,0	120	10	110
8	Quản thể Di tích chiến thắng Trà Bồng	35,0	110	10	100

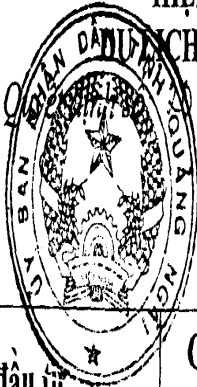
A.	B.	1.	2.	3.	4.
9	Khu du lịch Thạch Nham	25,0	60	5	55
10	Tôn tạo quần thể Di tích quốc gia Trường Lũy - Quảng Ngãi	120 km	200	20	180
11	Khu du lịch sinh thái Hà Nang	30,0	100	10	90
12	Khu du lịch Suối Chí	30,0	100	10	90
13	Khu du lịch sinh thái Thác Trắng	30,0	150	15	135
14	Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch	-	10	5	5
15	Tiếp tục đầu tư xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi	-	10	5	5
16	Tiếp tục đầu tư hỗ trợ phát triển tài nguyên, cải tạo môi trường du lịch	-	80	10	70
	TỔNG NHU CẦU ĐẦU TƯ CẢ GIAI ĐOẠN 2014 - 2025		5.255	545	4.710

PHỤ LỤC SỐ 3

HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN ĐẾN 2020, TẦM NHÌN 2025

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Nhu cầu đầu tư	Giai đoạn 2001 - 2005	Giai đoạn 2006 - 2010	Giai đoạn 2011 - 2013	Giai đoạn 2014 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025
Tổng nhu cầu đầu tư, trong đó:	135,0	248,2	352,9	597,0	2.038,0	2.620,0
a) Vốn ngân sách	18,2	48,2	59,8	80,0	200,0	265,0
b) Vốn khác	116,8	200,0	293,1	517,0	1.838,0	2.355,0